

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 71/2007/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tại tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2006, công văn số 3298/UBND-TH ngày 17 tháng 10 năm 2006 và kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 9091/BKH-TĐ&GSĐT ngày 07 tháng 12 năm 2006 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế một cách bền vững, xây dựng An Giang thành địa bàn kinh tế mở, đầu mối thông thương giữa các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long với Campuchia và các nước ASEAN khác. Tăng cường, chủ động hội nhập và tích cực khai thác tiềm năng, lợi thế để thúc đẩy tăng trưởng. Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.

Kết hợp tốt giữa công nghiệp hoá nông nghiệp - hiện đại hoá nông thôn với mở rộng và xây dựng mới các khu đô thị và các vùng kinh tế trọng điểm, có công nghiệp và dịch vụ phát triển năng động. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá xã hội, bảo đảm cho mọi người dân có cơ hội tham gia và thụ hưởng thành quả của sự

phát triển. Hoàn thiện cơ chế sử dụng nhân tài đi đôi với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật và đội ngũ doanh nhân.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng, đặc biệt là an ninh biên giới. củng cố hệ thống chính trị và nền hành chính nhà nước.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng lao động với công nghệ tiên tiến, hiện đại, dựa trên phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo năng suất lao động xã hội cao. Đầu tư phát triển các chương trình, đề án, dự án có trọng tâm, trọng điểm và tích cực thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2006 - 2010 đạt 12%, giai đoạn 2011 - 2020 đạt 11%.

GDP bình quân đầu người đạt 927 USD vào năm 2010 và 2.467 USD vào năm 2020. Tạo bước đột phá về đổi mới cơ cấu kinh tế của Tỉnh, năm 2010: nông - lâm - thủy sản chiếm 24,8% GDP, công nghiệp - xây dựng đạt 15,5%, dịch vụ 59,7%; vào năm 2020: nông - lâm - thủy sản 11,2%, công nghiệp - xây dựng 20,2%, dịch vụ 68,6%.

Giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 700 triệu USD và năm 2020 đạt 4,3 tỷ USD, tốc độ tăng giá trị xuất khẩu đạt 16,3%/năm thời kỳ 2006 - 2010, 20%/năm thời kỳ 2011 - 2020.

Giảm tốc độ phát triển dân số giai đoạn từ nay đến 2010 xuống 1,1% và giai đoạn 2011 - 2020 là 1%. Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống 19% vào năm 2010 và dưới 10% vào năm 2020.

Đến cuối năm 2007 hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phổ cập giáo dục tiểu học đúng tuổi, năm 2015 hoàn thành phổ cập giáo dục bậc trung học. Đến năm 2010 phần lớn các trường học đạt chuẩn quốc gia.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng lên 25% - 30% vào năm 2010 và trên 50% vào năm 2020. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị đến năm 2010 giữ ở mức 4,8% và đến năm 2020 giữ ở mức thất nghiệp tự nhiên (dưới 5%); tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 80% - 85% vào năm 2010 và trên 90% vào năm 2020.

Cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, tỷ lệ dân đô thị được dùng nước sạch đến năm 2010 đạt 96% và đến năm 2020 đạt 100%; tỷ lệ dân nông thôn được dùng nước sạch vào năm 2010 trên 80% và đến năm 2020 trên 90%; giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 5% vào năm 2010 và dưới 3% vào năm 2020; đến năm 2010 phủ sóng phát thanh, truyền hình rộng khắp trong Tỉnh; tỷ lệ hộ dân được dùng điện là trên 95% vào năm 2010 và đạt 100% vào năm 2020.

Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường. Nâng độ che phủ của rừng và cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lên 20,5% vào năm 2010 và 30% vào năm 2020.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

Bảo đảm an ninh lương thực đi đôi với đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm sản có chất lượng cao. Giảm tỷ trọng giá trị sản phẩm trồng trọt từ 80,7% năm 2005 xuống 78,8% năm 2010, tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm chăn nuôi từ 6,5% lên 7,2% năm 2010, dịch vụ nông nghiệp từ 12,8% lên 14% năm 2010. Tăng giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha canh tác từ 37,27 triệu đồng hiện nay lên 53,34 triệu đồng vào năm 2010.

Phát triển sản xuất thủy sản trên quan điểm kết hợp hợp lý giữa khai thác, nuôi trồng và chế biến, tạo ra khối lượng hàng hóa lớn; đưa ngành thủy sản thành ngành mũi nhọn của Tỉnh. Tổng diện tích đất nuôi trồng thủy sản đạt trên 6.400 ha vào năm 2010 và trên 11.800 ha vào năm 2020. Diện tích mặt nước nuôi thủy sản chủ yếu là nuôi cá lồng bè, trong đó chú trọng nâng cao chất lượng nuôi kết hợp với phát triển hợp lý số lượng lồng bè. Các khu vực nuôi chủ yếu: ngã ba sông Châu Đốc, đoạn sông Hậu thuộc xã Mỹ Hòa Hưng, đoạn sông Tiền khu vực thuộc xã Vĩnh Xương

huyện Tân Châu, đoạn sông Cái Vừng thuộc huyện Phú Tân, đoạn sông Tiền thuộc xã Mỹ Hiệp. Chú trọng bảo vệ nguồn nước, kiểm soát chất thải.

Đầu tư nghiên cứu, phát triển các loại giống cây trồng và vật nuôi cho năng suất, chất lượng cao, chịu bệnh tốt và phù hợp với điều kiện sinh thái của Tỉnh.

2. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

Đến năm 2010, xây dựng hoàn chỉnh các khu công nghiệp tập trung: Bình Long (Châu Phú) diện tích 66,55 ha; Bình Hòa (Châu Thành) diện tích 145,7 ha; triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống (Long Xuyên) diện tích 500 ha. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư và xây dựng một số khu công nghiệp mới sau năm 2010. Công nghiệp chế biến thủy sản, công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm: đầu tư hệ thống kho dự trữ, hệ thống sấy lúa, si lô tồn trữ nông sản; chế biến các loại nông, thủy sản thành các sản phẩm hàng hóa tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Phấn đấu đến năm 2010 phần lớn các sản phẩm khu vực nông nghiệp, thủy sản khi ra thị trường đều qua chế biến.

Công nghiệp chế tạo, sửa chữa cơ khí: tiếp tục nghiên cứu, cơ giới hóa các khâu gieo sạ, gặt, tuốt, cải tiến các thiết bị sấy đáp ứng yêu cầu về chất lượng hàng hóa; nâng cao năng lực chế tạo máy nông nghiệp.

Công nghiệp khai khoáng và sản xuất vật liệu xây dựng: khai thác tài nguyên khoáng sản gắn chặt với việc bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan du lịch. Nâng cao chất lượng các sản phẩm vật liệu xây dựng của Tỉnh, tăng sức cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

Phát triển ngành công nghiệp may, da giày, lắp ráp điện tử, công nghệ thông tin phục vụ cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

Các ngành tiểu thủ công truyền thống: phát triển các sản phẩm thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch và nâng cấp các mặt hàng đặc sản truyền thống của An Giang.

Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản: nâng cao giá trị thương mại của lâm sản, nhất là các sản phẩm từ rừng trồng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

3. Thương mại - dịch vụ

- Thương mại: xây dựng cơ sở vật chất và tổ chức hoạt động thương mại văn minh, hiện đại. Hướng mạnh vào phục vụ xuất khẩu, khai thác và mở rộng thị trường nội địa. Khuyến khích nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia thương mại, quan tâm khai thác thị trường nông thôn, miền núi, biên giới.

Phát triển khu vực thành phố Long Xuyên và thị xã Châu Đốc thành những trung tâm thương mại lớn, năng động của Tỉnh; khu vực Tân Châu - Vĩnh Xương và trực Tịnh Biên - Tri Tôn - Núi Sập là những "đầu tàu" kinh tế của Tỉnh để lôi kéo các vùng khác phát triển. Phấn đấu đến năm 2010 toàn Tỉnh có 9 chợ loại I (xây mới 5 chợ), nâng cấp 15 chợ loại II (tổng số 48 chợ loại II), bình quân mỗi xã có 1 chợ. Đến năm 2020, tiếp tục tăng thêm 5% số chợ, chủ yếu là phát triển siêu thị, toàn Tỉnh có khoảng 300 chợ. Phát triển mở rộng các chợ trung tâm và tiếp tục hình thành các chợ mới ở các huyện.

Khu vực cửa khẩu Tịnh Biên: từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ gắn với phân bố dân cư và phát triển các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu. Đối với 2 khu kinh tế cửa khẩu Vĩnh Xương và Khánh Bình: tập trung vào các lĩnh vực thương mại, du lịch và công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu. Tiếp tục đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, kho ngoại quan của khu kinh tế cửa khẩu. Hình thành một số ngành dịch vụ liên quan đến hoạt động kinh tế cửa khẩu.

Phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tư vấn quản lý và tư vấn pháp luật, thương mại điện tử, viễn thông, đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống và phù hợp với xu hướng phát triển của kinh tế thị trường hiện đại, góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của Tỉnh.

- Du lịch: phát huy tổng hợp các nguồn lực xây dựng và phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh; đa dạng hóa sản phẩm du lịch, đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các đơn vị làm du lịch trong nước và quốc tế. Đến năm 2010 thu hút 5 triệu lượt khách và tăng gấp 1,3 lần vào năm 2020. Phát triển các khu du lịch trọng điểm: Núi Sam, Núi Cấm, Núi Cô Tô, Núi Giải, khu lưu niệm Bác Tôn và khu vui chơi giải trí Mỹ Khánh. Phát triển các tuyến du lịch nội tỉnh: Long Xuyên - Chợ